

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 173/2024/HSST

Ngày: 30 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phú

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2024/QĐXXST-HS ngày 15/7/2024 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Quang T, sinh năm 1986, tại: Trà Vinh; nơi ĐKNKTT: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành D (đã chết) và bà: Trần Thị Thanh H; vợ: Phạm Thị Tân K (đã ly hôn); con: 02 con, sinh năm 2012 và năm 2015; tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 17/2023/HS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, Nguyễn Quang T bị xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thi hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2023.

Bị cáo bị bắt ngày 21/4/2024 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH D3

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Hương D1. Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trương Anh D2, sinh năm: 1985.

Chức vụ: Giám sát công trình (*Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2024*). Có mặt.

Người làm chứng: Anh Da Guốt B, sinh năm: 1996; trú tại: M, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Quang T đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản ở các khu vực tại thành phố Đ để bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 14h00 ngày 21/4/2024, T một mình điều khiển xe mô tô biển số 47P4-2675 đi đến Tổ dân phố M, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại đây, T phát hiện thấy Công ty TNHH D3 đang khóa cổng, không có người trông coi nên T đã cất xe máy ở hẻm bên đường đối diện công ty, T leo qua hàng rào và đi vào trong khuôn viên của công ty. Khi đi đến một nhà kho, thấy cửa không khóa, T đi vào thì phát hiện thấy nhiều thanh sắt phế liệu để ở dưới sàn. T lấy trộm được 24 kg sắt phế liệu rồi bỏ vào một bao tải nhặt được gần đó, cột lại rồi mang bao tải trên theo lối cũ, đến chỗ hàng rào vứt ra ngoài và leo ra khỏi khuôn viên công ty. Khi vừa leo ra thì bị nhân viên bảo vệ của công ty TNHH D3 là anh Da Guốt B phát hiện, bắt giữ lại và đưa lên Công an P, thành phố Đ.

Tang vật của vụ án: 24 kg các thanh sắt phế liệu các loại; 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu đen bạc, BKS 47P4 - 2675.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 83/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận 24 kg các thanh sắt phế liệu các loại có giá trị là 168.000 đồng (BL: 30-35). Ngày 26/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng số 1710/QĐ-ĐTTH bằng hình thức trả lại 24 kg các thanh sắt phế liệu các loại cho ông Nguyễn Trương Anh D2 là giám sát công trình của Công ty TNHH D3. Ông D2 không có yêu cầu gì thêm (BL: 11-12).

Cáo trạng số 207/CT-VKSĐL-LĐ ngày 27/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến giải quyết vụ án: Giữ nguyên bản Cáo trạng và đề nghị xét xử:

Bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho Nguyễn Quang T 01 thẻ bảo hiểm y tế.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Ông Nguyễn Trương Anh D2 - đại diện bị hại trình bày: Không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu nhận vật chứng, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 21/4/2024 Nguyễn Quang T đã có hành vi lén lút trộm cắp của Công ty TNHH D3 24kg thanh sắt phế liệu các loại có giá trị là 168.000đ. Bị cáo là đối tượng có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 18/11/2023, chưa được xóa án tích và là đối tượng nghiện ma túy (BL67). Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội là Nguyễn Văn H1 là người có công với cách mạng được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách

nhệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở để lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Mặc dù giá trị tài sản bị trộm cắp trong vụ án này không lớn nhưng bị cáo có 01 tiền án về cùng tội trộm cắp tài sản và chưa được xóa án tích, điều đó chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật khi tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải có mức án thật nghiêm khắc để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra có thu giữ của bị cáo 01 thẻ bảo hiểm y tế. Xét thấy vật chứng này không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Đối với chị Lê Thị Thùy L, sinh năm: 1984, nơi thường trú: D T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là chủ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen bạc biển số 47P4-2675. Khi cho T mượn xe, chị L không biết T dùng xe này để đi trộm tài sản của người khác, do đó không có cơ sở xử lý đối với chị L. Ngày 16/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 2433/QĐ-ĐTTH bằng hình thức trả lại xe mô tô cho chị Lê Thị Thùy L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Nguyễn Quang T 01 thẻ bảo hiểm y tế số CN 3848421541147 mang tên Nguyễn Quang T. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2024)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương Trang